MAKE TAG QUESTIONS

Speaking :

1. CÔ ẤY ĐẾN TỪ VIET NAM CÓ PHẢI KHÔNG?

She is ……, ……?

2. MẸ BẠN RẤT KHÉO LÉO ĐÚNG KHÔNG?

Your Mom is very ……., ……..?

3.**BẠN ĐÃ TỪNG ĐẾN HUẾ ĐÚNG KHÔNG?**

You have ever ……, ……?

4.CÓ 1 CÁI CHỢ Ở CHỖ BẠN Ở ĐÚNG KHÔNG?

There ……in your neighbourhood, ……?

5. HỌ KHÔNG ĐI CẮM TRAI CUỐI TUẦN TRƯỚC ĐÚNG KHÔNG?

They didn't ……last weekend , ……..?

6.ĐÂY LÀ XE Ô TO CỦA BẠN ĐUNG KHÔNG?

This ……, ……..?

7.ĐỪNG LÀM ỒN , ĐƯỢC KHÔNG?

Don't ……, ……?

8.CHÚNG TA HÃY ĐI MUA SẮM NHÉ?

LIVEWORKSHEETS

- Let's ……, ……?

9. TRƯỜNG BẠN MỚI ĐÚNG KHÔNG?

YOUR school ……., ……?

10.EM TRAI BẠN THÍCH CHƠI CẦU LÔNG ĐÚNG KHÔNG?

Your brother ……..badminton, ……..?

TASK 2 : PHRASAL VERBS :

1.ĐI RA NGOÀI /TẮT ……..	**11.CHĂM SÓC ……..**
2. TỪ CHỐI ……	**12.TÌM KIẾM …….**
3. KHỞI HÀNH ……	**13.THAM GIA VÀO…….**
4.HƯ HỎNG ……..	**14. DẠO QUANH……..**
5.TỪ BỎ ……	**15.TRUYỀN LẠI ……..**
6. ÔN BÀI……..	**16. VỨT BỎ ……..**
7.HÒA ĐỒNG ……..	**17.MẮC BỆNH ……**
8. CẠN KIỆT……..	**18. NÀY RA Ý TƯỞNG……**
9.HỌC LỎM……..	**19. CẮT GIẢM……..**
10.TIẾN HÀNH……..	**20.TÌNH CỜ GẶP……**

LIVEWORKSHEETS

Task 3 :

run out of, get around, cut down on, taking part in, passed down, go over,

pick up, came down with , went out , throw away.

1. My little brother _____ a cold after playing in the rain all afternoon.
2. To save money, we need to _____-unnecessary shopping.
3. Let's _____._____ the lesson notes one more time to make sure we understand the key points.
4. The tradition of making pho is _____ from generation to generation in my family.
5. It's difficult for him to _____ the city without a motorbike, as public transport is limited.
6. She felt sad when she had to _____ her old childhood toys.
7. You can easily _____ new vocabulary by watching English movies with subtitles.
8. The lights _____ because we forgot to pay the electricity bill.
9. Don't worry, we won't _____ ideas for the presentation.
10. She enjoys _____ community service activities at the local center every month.

LIVEWORKSHEETS

4

LIVEWORKSHEETS